

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 11 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H , TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân :

1. Bà Khuất Thị Toàn

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST-DSTC ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐ-ST, ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh H. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP D. Địa chỉ: Tổ 09, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Trung T1 - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh H (*Quyết định v/v uỷ quyền tham gia tố tụng số 782/UQ-BIDV.HG ngày 27/5/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh H*), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 36, phố H1, tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Nơi công tác: Trường Mầm non H2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 27/5/2020 và quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị T2 đã vay Ngân hàng TMCP D -

Chi nhánh H (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) 02 khoản vay theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể: Khoản vay theo Hợp đồng thứ nhất: Ngày 11 tháng 10 năm 2018 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4657621/HĐTD với bà Nguyễn Thị T2 để cho bà vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, thời hạn cho vay là 70 tháng, không có tài sản bảo đảm tín chấp qua lương, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận là 12,5%/năm được điều chỉnh 06 tháng một lần. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ gốc thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc trả đều hàng tháng qua lương là 70 kỳ, từ kỳ 1 đến kỳ thứ 69 trả mỗi kỳ là 2.300.000đ vào ngày 20 hàng tháng, kỳ thứ 70 trả 1.300.000đ vào ngày 20 của tháng. Kỳ hạn trả lãi: Trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần. Căn cứ vào việc xác nhận của lãnh đạo cơ quan nơi bà Nguyễn Thị T2 đang công tác tại Trường Mầm non H2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang cùng với các thủ tục vay vốn của bà Nguyễn Thị T2, ngày 11/10/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Khoản vay theo Hợp đồng thứ hai: Ngày 23 tháng 5 năm 2019 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2019/4657621/HĐTD với bà Nguyễn Thị T2 để cho bà vay khoản tiền hạn mức thấu chi tín chấp qua lương, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận là 11,5%/năm. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cuối kỳ. Kỳ hạn trả lãi: Trả lãi vào ngày 28 hàng tháng, theo phát sinh thực tế.

Sau một thời gian vay vốn bà T2 đã không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo cam kết với ngân hàng, đã để phát sinh nợ quá hạn, bà T2 đã vi phạm các thoả thuận, cam kết hợp đồng đã ký với ngân hàng và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với lãnh đạo cơ quan nơi bà T2 công tác được biết bà T2 đã xin nghỉ việc và bỏ trốn khỏi nơi cư trú, cố tình dấu địa chỉ không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nhà trường cũng như cho Ngân hàng được biết. Tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/5/2020 bà T2 phải trả là 164.557.242đ (Một trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Khoản vay theo hợp đồng thứ nhất: Dư nợ gốc là 124.200.000đ, nợ lãi cộng dồn là 9.626.781đ, phí chậm trả là 123.921đ; Khoản vay theo hợp đồng thứ hai: Dư nợ gốc là 29.900.000đ, lãi cộng dồn là 565.232đ, phí chậm trả là 141.308đ.

Ngân hàng đã nhiều lần trao đổi qua điện thoại và gửi giấy mời, mời bà T2 đến trụ sở ngân hàng để làm việc nhưng bà T2 không hợp tác, không đến làm việc theo yêu cầu của Ngân hàng và bỏ đi khỏi nơi cư trú không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho Ngân hàng được biết.

Ngày 08/9/2020 Ngân hàng nhận được thông tin về việc bà Nguyễn Thị T2 đã gửi hồ sơ đề nghị BHXH tỉnh Hà Giang thanh toán khoản tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, tuy nhiên bà T2 không thiện chí liên hệ với ngân hàng để trả khoản nợ mà có dấu hiệu cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Bà T2 đã mở một tài khoản của ngân hàng khác ở một tỉnh khác, do đó ngân hàng đã có đơn yêu

cầu TAND thành phố H ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp, tạm thời Phong tỏa tài khoản của bà Nguyễn Thị T2 tại ngân hàng Agribank - Chi nhánh P (nay là chi nhánh N) tỉnh Cao Bằng để đảm bảo cho việc thi hành án, đảm bảo quyền lợi của ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Hà Giang.

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T2 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng đối với 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử là **167.194.317đ**, trong đó: Nợ gốc là **150.540.000đ**; Dư nợ lãi là **15.702.997đ**; Lãi suất nợ quá hạn là **951.320đ**, và các khoản lãi tiếp tục phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi bà T2 trả xong các khoản nợ.

Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cho vay theo đúng các quy định của pháp luật và thoả thuận giữa ngân hàng với khách hàng, do đó ngân hàng yêu cầu bà T2 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo đúng các quy định và thoả thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4657621/HĐTD ngày 11/10/2018 và HĐ số 01/2019/4657621/HĐTD ngày 23/5/2019.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T2: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà T2 đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bà T2 đều không có mặt không có lý do. Qua xác minh Tổ trưởng tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang và ông Lù Văn T3 là chồng bà Nguyễn Thị T2 đều cung cấp: Bà Nguyễn Thị T2 có hộ khẩu thường trú tại tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Hiện tại bà T2 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú do bà có vay nợ ở bên ngoài rất nhiều, còn việc bà T2 đi đâu, làm gì ở đâu bà không nói với chồng cũng không thông báo với tổ dân phố do vậy tổ dân phố và ông T3 đều không nắm được, hiện tại bà T2 không còn tài sản gì ở nơi cư trú.

Đại diện trường Mầm non H2, phường N, thành phố H nơi bà T2 công tác cũng xác nhận bà T2 đã xin nghỉ việc, đã được giải quyết nghỉ thôi việc theo Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thành phố H, tỉnh Hà Giang, hiện nay bà T2 bỏ đi đâu nhà trường không biết, hiện nay bà T2 không còn chế độ gì tại nhà trường, việc bà T2 đã đề nghị giải quyết chế độ BHXH hay chưa thì nhà trường không nắm được.

Toà án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 07/7/2020 và ngày 22/7/2020, tuy nhiên bà Nguyễn Thị T2 đều không có mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hoà giải giữa các đương sự được.

* Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra

xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 280; 282; 357; 463; 465; 466; 468 của BLDS năm 2015; **khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải trả ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 11/9/2020 là 167.194.317đ, và khoản lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bà T2 trả hết nợ.**

- Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng đã được Tòa án thực hiện theo đúng các quy định của các Điều 111, 112, 124 của BLTTDS.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh H. Địa chỉ: Tổ 09, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị T2. Theo quy định tại **khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40** Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho ngân hàng biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T2 là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh Hà Giang đồng ý cho bà Nguyễn Thị T2 vay hai khoản vay bao gồm: khoản vay thứ nhất số tiền 160.000.000,đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), mục đích vay tiêu dùng, thời hạn

cho vay là 70 tháng, không có tài sản bảo đảm, bà T2 cam kết trích trả bằng tiền lương và thu nhập hàng tháng. Khoản vay thứ hai số tiền 30.000.000,đ (*Ba mươi triệu đồng*), mục đích vay tiêu dùng, thời hạn cho vay là 12 tháng, không có tài sản bảo đảm, bà T2 cam kết trả bằng tiền lương và thu nhập hàng tháng nhưng không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng (*Hợp đồng dân sự*) được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[4] **Về nội dung:** Ngày 11 tháng 10 năm 2018 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4657621/HĐTD với bà Nguyễn Thị T2 để cho bà vay số tiền 160.000.000,đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), mục đích vay tiêu dùng tín chấp qua lương, thời hạn cho vay là 70 tháng, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận là 12,5%/năm được điều chỉnh 06 tháng một lần. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ gốc thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc trả đều hàng tháng là 70 kỳ, từ kỳ 1 đến kỳ thứ 69 trả mỗi kỳ là 2.300.000đ vào ngày 20 hàng tháng, kỳ thứ 70 trả 1.300.000đ vào ngày 20 của tháng. Kỳ hạn trả lãi: Trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần. Căn cứ vào việc xác nhận của lãnh đạo cơ quan nơi bà Nguyễn Thị T2 đang công tác tại Trường Mầm non H2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang cùng với các thủ tục vay vốn của bà Nguyễn Thị T2, ngày 11/10/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Đến ngày 23 tháng 5 năm 2019 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2019/4657621/HĐTD với bà Nguyễn Thị T2 để cho bà vay số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) theo hạn mức thấu chi, tín chấp qua lương, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận là 11,5%/năm. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cuối kỳ. Kỳ hạn trả lãi: Trả lãi vào ngày 28 hàng tháng, theo phát sinh thực tế. Ngày 23/5/2019 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Tổng số tiền nợ gốc ngân hàng đã cho bà T2 vay 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*) là đúng thực tế.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2 đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ hai khoản vay với Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn chuyển sang nợ xấu. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T2 trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng bà T2 đã xin nghỉ việc và được cho nghỉ thôi việc mà không thông báo trước cho ngân hàng như đã thoả thuận. Tính đến ngày xét xử 11/9/2020 bà T2 còn nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi là 167.194.317đ, trong đó: Nợ gốc là 150.540.000đ; Dư nợ lãi là 15.702.997đ; Lãi suất nợ quá hạn là 951.320đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 phải chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi nêu trên là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và phù hợp với thoả thuận của Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4657621/HĐTD ngày 11/10/2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/4657621/HĐTD ngày 23/5/2019.

[6] HĐXX thấy rằng khi ký kết hợp đồng vay vốn Ngân hàng bà Nguyễn Thị T2 cam kết việc thực hiện hợp đồng và thỏa thuận với ngân hàng là tự nguyện. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà T2 chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 11/9/2020 và **bà T2 phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 12/9/2020 đến khi trả hết khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.**

[7] Ngày 04/9/2020 bà Nguyễn Thị T2 đã gửi đơn và hồ sơ đề nghị BHXH tỉnh Hà Giang giải quyết chế độ BHXH một lần cho bà, nhưng không đề nghị chuyển trả số tiền cho ngân hàng TMCP D - Chi nhánh H để thanh toán khoản nợ mà lại đề nghị thanh toán vào tài khoản bà T2 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh P (*Nay là chi nhánh N*), Cao Bằng. Bà T2 có dấu hiệu cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, do đó ngày 08/9/2020 ngân hàng TMCP D - Chi nhánh Hà Giang đã có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng Agribank chi nhánh P (*Nay là chi nhánh N*), tỉnh Cao Bằng để đảm bảo cho việc thi hành án, xét thấy việc yêu cầu của ngân hàng TMCP D - Chi nhánh H là có căn cứ, TAND thành phố H đã Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 56/QĐ-BPKCTT ngày 10/9/2020 Phong tỏa tài khoản của bà Nguyễn Thị T2 tại ngân hàng Agribank chi nhánh P (*Nay là chi nhánh N*), tỉnh Cao Bằng, số tiền 114.464.200đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn hai trăm đồng*) để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 138; Điều 140; Các Điều 280; 282; 357; 463; 465; 466; 468 BLDS năm 2015; **khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 111, Điều 112, Điều 124 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016*).**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh tỉnh Hà Giang về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4657621/HĐTD ngày 11

tháng 10 năm 2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/4657621/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2019.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị T2 chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 167.194.317đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi tư nghìn ba trăm mười bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 150.540.000đ (Một trăm năm mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng); Dư nợ lãi là 15.702.997đ (Mười lăm triệu bảy trăm linh hai nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng); Lãi suất nợ quá hạn là 951.320đ (Chín trăm năm mươi một nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.359.000đ (Tám triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 4.110.000đ (Bốn triệu một trăm mười nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002146 ngày 01/6/2020 (do ông Lê Quang L nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG.
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Mỹ Lệ